



**Phụ lục 17**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT  
ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương)  
**CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN**

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**

<b>Phiếu an toàn hóa chất</b>	<b>Logo của doanh nghiệp</b> (không bắt buộc)		
<b>METHYL ETHY KETONE</b>			
Số CAS: 78-93-3 Số UN: 1193 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	 		
<b>I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>			
- Tên thường gọi của chất : Methyl ethy ketone	Mã sản phẩm nếu có  Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: <b>Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An</b> <b>Sài Gòn</b> <b>30/17 Đường HT 31, KP 1, P.Hiệp Thành,</b> <b>Quận 12, TP HCM</b> <b>ĐT: 08.6683.3399</b> <b>Fax: 08.6250.7935</b>		
- Tên thương mại: Methyl ethy ketone			
- Tên khác (không là tên khoa học): 2- butanone, 3- butanone, methyl acetone, ethyl methyl ketone.			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:			
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ			
- Mục đích sử dụng: Dùng trong ngành công nghiệp và là hóa chất dùng làm dung môi, là nguyên liệu trong ngành sản xuất nhựa, dệt may và các sản phẩm gia dụng như sơn, mài, vecni,...			
<b>PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT</b>			
<b>Tên thành phần nguy hiểm</b>	<b>Số CAS</b>	<b>Công thức hóa học</b>	<b>Hàm lượng</b> (% theo trọng lượng)
Methyl ethyl ketone	78-93-3	$(CH_3)_2COC_2H_5$	99.50%
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
<b>III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>			
<p><b>1. Mức xếp loại nguy hiểm</b> (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA... ): Rất dễ cháy</p> <p><b>2. Cảnh báo nguy hiểm:</b> không có thông tin</p> <p><b>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường mắt : Dị ứng cho mắt</li> <li>- Đường thở : Hít phải có thể gây buồn ngủ và chóng mặt</li> <li>- Đường da : Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây khô hoặc nứt da.</li> <li>- Đường tiêu hóa : không có thông tin</li> <li>- Đường tiết sữa.</li> </ul>			
<b>IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ</b>			



- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dũa vào mắt) : Rửa sạch với nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút và tham khảo ý kiến bác sĩ ngay lập tức.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dũa vào da) : Rửa sạch da ngay bằng xà phòng và nhiều nước trong khi loại bỏ tất cả quần áo và giày dép nhiễm bẩn. Làm sạch quần áo và giày dép trước khi tái sử dụng. Nếu vẫn còn kích ứng da thì đến trung tâm y tế ngay lập tức.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí) : Di chuyển nạn nhân đến nơi có không khí trong lành trong trường hợp hít phải ngẫu nhiên của hơi. Nếu thở không điều hay ngừng thở phải hô hấp nhân tạo và đưa đến trung tâm y tế ngay lập tức.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Nếu nuốt phải không được ép nôn ra, không cho bất cứ thứ gì vào miệng và liên hệ ngay đến trung tâm y tế.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có): Điều trị theo triệu chứng.

## V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): rất dễ cháy.
- Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không có thông tin
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Hơi có thể hình thành hỗn hợp nổ với không khí. Ôn lại có thể trong khoảng cách đáng kể.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Phun nước, bọt chống cồn, hóa chất khô, cacbon dioxide (CO<sub>2</sub>).
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Mang thiết bị thở khép kín và bộ đồ bảo hộ.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có):

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Cảnh báo cá nhân:** Giữ người xa và hướng gió tràn và rò rỉ. Xóa bỏ hết nguồn phát lửa. Đừng hít phải hơi hoặc phun sương. Chất liệu có thể tạo điều kiện trơn trượt.
- 2. Môi trường và biện pháp phòng ngừa:** không nên thải bỏ vào môi trường. Ngăn chặn hơn nữa tràn đổ hoặc rò rỉ nếu an toàn để làm như vậy.
- 3. Các phương pháp làm sạch:** Ngâm với chất hấp thụ trợ và xử lý như chất thải nguy hại.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Cung cấp trao đổi không khí đầy đủ trong phòng làm việc. Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân. Đảm bảo tất cả các thiết bị là điện căn cứ trước khi bắt đầu hoạt động chuyên nhượng. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh. Tránh xa sức nóng và các nguồn bắt lửa, sử dụng cháy nổ các thiết bị bằng chứng.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): Giữ hộp đựng trong bao bì kín, khô, thoáng mát, thông gió thích hợp.

## III. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Cung cấp trao đổi không khí đầy đủ trong phòng làm việc.
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
  - Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ có che hai bên.
  - Bảo vệ thân thể : mặc đồ bảo hộ lao động, nguyên bộ chống hóa chất với mũ trùm đầu
  - Bảo vệ tay : Mang găng tay thích hợp để tránh tiếp xúc với da.
  - Bảo vệ chân: Mang giày an toàn
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...) : bồn rửa mặt và vòi tắm

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (°C): 79,6°C
Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy (°C): -86,3°C
Mùi đặc trưng: Như bạc hà	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu	Nhiệt độ tự cháy (°C): 515°C

chuẩn: 121.323 hPa; 25 <sup>0</sup> C	
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 2	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí: 11.4%(V)
Độ hòa tan trong nước: Một phần có thể trộn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí: 1.4%(V)
Độ pH: Không có dữ liệu	Tỷ lệ hóa hơi: Không có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> ): Không có thông tin.	Các tính chất khác nếu có



### X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Không có thông tin.
- Khả năng phản ứng:**
  - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không có thông tin
  - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Oxit cacbon
  - Các chất (có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Tác nhân oxi hóa mạnh mẽ, không tương thích với các axit, halogen hợp chất.
  - Phản ứng trùng hợp: Polymer hóa nguy hiểm không xảy ra.

### XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1 Methyl ethyl kotone	LD 50: 2.737mg/kg LC 50: 23.500mg/kg LD 50: 6480mg/kg	Độc tính cấp tính đường miệng và hô hấp, da	Đường miệng Hô hấp Da	Chuột Chuột Thỏ
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				

- Các ảnh hưởng mãn tính với người** (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): Không có thông tin
- Các ảnh hưởng độc khác** : Kích ứng da và mắt

### XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

#### 1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
LC50: 4467mg/l;96h LC50: 5.700mg/l;24h LC50: 3.200mg/l;96h LC50< 520mg/l;48h	Cá Độc tính với bo bo và thủy sản khác Không sương sống	Chưa có thông tin	Độc tính sinh thái
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

#### 2. Tác động trong môi trường

Không có thông tin

### XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- Thông tin quy định tiêu hủy** (thông tin về luật pháp) : Phù hợp với các quy định của địa phương và quốc gia. Không làm ô nhiễm ao, đường thủy, mương và hóa chất, sử dụng container, sản phẩm này không nên được phép nhập cống, đường nước hoặc đất.
- Xếp loại nguy hiểm của chất thải** : không có thông tin
- Biện pháp tiêu hủy**: Đùng đốt hoặc sử dụng một ngọn đuốc cắt trên, có thể được cung cấp để tái chế sử dụng, tái điều hòa hoặc thủng.
- Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý**

### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:	1193	Methyl ethyl ketone	3	II		

<p>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyên hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.</p>								
<p>Quy định về vận chuyên hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA ...</p>								

### **XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

**1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**

**2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**

**3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ.**

### **XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 18-01-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 25 -04 -2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

**CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN**

**Giám đốc**



*Lê Hoàng Mi Sa*